TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 118/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 6 – 2018
Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp.
2. Ông Võ Thanh Liêm.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Đình Chưởng, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 389/2018/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2018 về việc "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 340/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. NguY đơn: Chị Hồng Thị N, sinh năm 1986 (có mặt).
Địa chỉ cư trú: Ấp S, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Trần Quốc Y, sinh năm 1989 (vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: đường L, khóm B, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 23/4/2018 và tại phiên tòa, chị Hồng Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Quốc Y xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau vào năm 2014. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm và lối sống, anh Y có người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, sự việc kéo dài nên vợ chồng sống không hạnh phúc và chị đã về cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 11/2015 đến nay. Hiện chị xét thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn anh Y.

- Về con chung: Chị xác định chị và anh Y có 01 người con chung tên Trần Hồng Ánh Ng, sinh ngày 27/8/2014, hiện cháu Ng đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị khai vợ, chồng chị không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng.

* Đối với anh Trần Quốc Y, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án thông qua chú ruột nhận thay và cam kết giao lại nhưng anh Y vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Quốc Y đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử theo quy định vào các ngày 16/5/2018, ngày 28/5/2018, ngày 12/6/2018, ngày 26/6/2018 nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Hồng Thị N và anh Trần Quốc Y xác lập quan hệ vợ chồng và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau vào ngày 30/5/2014 nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống theo chị N trình bày vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm và lối sống, anh Y có người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, sự việc kéo dài nên vợ chồng sống không hạnh phúc và chị đã về cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 11/2015. Nay chị xét thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn anh Y. Đối với anh Y không gửi cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình và cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Cho nên nhận thấy, cuộc sống giữa chị N và anh Y thực sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và anh chị đã ly thân từ năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N ly hôn với anh Y.

[3] Về con chung: Chị N xác định chị và anh Y có 01 người con chung tên Trần Hồng Ánh Ng, sinh ngày 27/8/2014, hiện cháu Ng đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Ng hiện do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Y không nêu ý kiến về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Ng cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở.

[4] Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Chị N không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị N xác định không có nên không đặt ra xem xét;

[6] Về nợ chung: Chị N khai không nợ ai và không ai nợ lại anh chị nên hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Ng đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Hồng Thị N về việc xin ly hôn anh Trần Quốc Y.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hồng Ánh Ng, sinh ngày 27/8/2014 cho chị Hồng Thị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Y được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị N xác định không có nên không đặt ra xem xét;

4. Về nợ chung: Chị N khai không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị N phải chịu 300.000đ. Ngày 24 tháng 4 năm 2018, chị N đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0000707 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ, chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Hồng Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Quốc Y có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Thị Thu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND phường S, TP C;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.